

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Diệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hằng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Cao Thế Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ** không tham gia phiên tòa .

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 214/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Xuân T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp An T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn A**, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp An T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2024 và biên bản không tiến hành hòa giải được cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Xuân T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh A do làm mai nên đã quen nhau và tổ chức đám cưới năm 1999 ở Kiên Giang. Chị T và anh A chung sống với nhau như vợ

chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời kỳ sống chung với nhau, chị T và anh A ở bên nhà mẹ anh A tại Kiên Giang. Năm 2009, chị T và anh A về xây nhà tại ấp An Thành, xã Phú Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long sinh sống. Trong khi chung sống, thời gian đầu chị T và anh A chung sống hạnh phúc với nhau. Đến năm 2013, anh A lạnh nhạt với vợ con, không quan tâm và lo cho gia đình, anh A thường xuyên mắng chửi vợ con và có xảy ra tình trạng bạo lực gia đình. Hiện tại chị T và anh A vẫn đang sống chung ở một căn nhà ở ấp An Thành, xã Phú Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nhưng không nói chuyện hay tiếp xúc với nhau. Nay chị T nhận thấy đã không còn tình cảm với anh A nên xin chị Trần Xuân T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh Nguyễn Văn A.

Về con chung: Chị T và anh A trong thời kỳ hôn nhân có 03 con chung tên Nguyễn Kim L, sinh ngày 03/4/2002; Nguyễn Kim P, sinh ngày 04/5/2000 và Nguyễn Hữu Â, sinh ngày 03/7/2006. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần triệu tập Nguyễn Văn A đến Tòa án làm việc. Qua những lần Tòa án thực hiện tổng đạt thông qua văn phòng Thừa phát lại thì anh A đều có nhận giấy triệu tập của Tòa án tuy nhiên anh A từ chối ký nhận về việc đã nhận văn bản tố tụng của Tòa án, đến ngày làm việc anh A không đến và không gửi bản khai ý gì về việc chị T yêu cầu ly hôn với anh. Vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

*Tại phiên tòa hôm nay:* Bị đơn Nguyễn Văn A vắng mặt phiên tòa lần 2.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

**[1.1]** Chị Trần Xuân T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn A, anh A đăng ký hộ khẩu tại số ấp An Thành, xã Phú Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên đây là quan hệ hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[1.2]** Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hai lần cho anh Nguyễn Văn A đến Tòa án giải quyết vụ kiện, tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa thì anh A vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, giải quyết vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn Ân.

**[2]** *Về nội dung:*

**[2.1]** Về quan hệ hôn nhân: Năm 1999 chị T và anh A có tìm hiểu và quen biết, cả hai tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 cho đến nay, chị T và anh A không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Chị T có xác nhận về hôn nhân của chị và anh A. Vì vậy xác định chị T và anh A chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là đúng. Việc chị T và anh A không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Xét về mâu thuẫn chị T cho rằng trong thời gian sống chung, anh A lạnh nhạt với vợ con, không quan tâm và lo lắng cho gia đình, tuy hiện nay cả hai đang ở chung nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, anh A có biết Tòa án gửi văn bản tố tụng triệu tập anh A đến Tòa án giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị T, nhưng anh từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, đến ngày xét xử anh A vẫn vắng mặt, anh A không gửi bản khai ý kiến hay không đến Tòa án giải quyết vụ kiện là tự mình khước từ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh A đã mâu thuẫn trầm trọng, nhưng cả hai không đăng ký kết hôn, nên không có giá trị pháp lý cho ly hôn. Căn cứ khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định của pháp luật*”. Vì vậy Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Trần Xuân T và anh Nguyễn Văn Ân là vợ chồng là đúng theo yêu cầu của chị T.

**[2.3]** Về nuôi con chung: Chị T và anh A trong thời kỳ hôn nhân có 03 con chung tên Nguyễn Kim L, sinh ngày 03/4/2002; Nguyễn Kim P, sinh ngày 04/5/2000 và Nguyễn Hữu Â, sinh ngày 03/7/2006. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[2.4]** Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 14, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Xuân T và anh Nguyễn Văn A là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Kim L, sinh ngày 03/4/2002; Nguyễn Kim P, sinh ngày 04/5/2000 và Nguyễn Hữu Â, sinh ngày 03/7/2006. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Xuân T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001032 ngày 12/4/2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng

mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Hồng Điệp**